

Bản án số: 56/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29-11-2019
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIỂU CẦN, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Dương Thị Mỹ Chấm**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà **Trang Thị Cẩm Nhuận;**

Ông **Nguyễn Văn Bé.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Liêng Thị Kim Ngân**- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần, tỉnh Trà Vinh.

Ngày 29 tháng 11 năm 2019, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 404/2019/TLST-HNGĐ, ngày 27-9-2019, về việc “*Tranh chấp ly hôn*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 71/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 14-11-2019, giữa:

Nguyên đơn: Anh Trần Văn T, sinh năm 1980; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Có đơn xin giải quyết vắng mặt).

Bị đơn: Chị Trương Thị Út G, sinh năm 1970; Địa chỉ: Ấp A, xã B, huyện T, tỉnh Trà Vinh (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18-9-2019, bản tự khai nguyên đơn anh Trần Văn T trình bày:

Vào năm 1999, anh xác lập quan hệ hôn nhân với chị Trương Thị Út G, không có đăng ký kết hôn, thời gian sống chung anh chị có 01 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 09/02/2000 đã thành niên và sống tự lập.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Nguyên nhân xin ly hôn: Thời gian đầu vợ chồng sống với nhau rất hạnh phúc, anh đi làm kiếm tiền, còn chị G ở nhà lo cho con ăn học, nhưng không hiểu lý do vì sao, khi anh đi làm về thì chị G bỏ nhà đi từ tháng 01 năm 2017 đến nay nên anh, chị đã sống ly thân. Anh đã nhiều lần tìm kiếm nhưng không có tin tức. Đến ngày 18/3/2019, anh có làm đơn gửi đến Tòa án nhân dân huyện Tiểu Cần yêu cầu Tòa án tuyên bố chị Trương Thị Út G mất tích. Đến ngày

23/8/2019, Tòa án đã ban hành Quyết định giải quyết việc dân sự số: 02/2019/QĐDS-ST, tuyên bố chị Trương Thị Út G mất tích.

Anh Trần Văn T yêu cầu Tòa án giải quyết:

Về hôn nhân: Cho anh được ly hôn với chị Trương Thị Út G.

Về con chung: Trần Văn T1, sinh ngày 09/02/2000 đã thành niên nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu.

Anh Trần Văn T có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn anh Trần Văn T cung cấp cho Tòa án các tài liệu, chứng cứ sau đây: 01 sổ hộ khẩu gia đình (photo); 01 chứng minh nhân dân tên Trần Văn T (photo); 01 quyết định tuyên bố mất tích (bản chính).

Đối với bị đơn: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc niêm yết hợp lệ các thủ tục như Thông báo về việc thụ lý vụ án, các Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, nhưng chị Trương Thị Út G không đến Tòa án tham gia tố tụng và Tòa án cũng không thể tiến hành lấy lời khai của chị G được nên không thể xác định được những tình tiết nào của vụ án mà các bên đã thống nhất và không thống nhất. Vì vậy Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án để xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Nguyên đơn anh Trần Văn T có đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt đúng theo quy định; Bị đơn chị Trương Thị Út G đã được Tòa án tuyên bố mất tích tại Quyết định số: 02/2019/QĐDS-ST, ngày 23-8-2019 và được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án vắng mặt anh T, chị G.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần Văn T và chị Trương Thị Út G chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1999, trên cơ sở tự nguyện có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nhưng anh T và chị G không có đăng ký kết hôn. Căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, thì anh T và chị G không được pháp luật công nhận là vợ chồng.

[3] *Về con chung:* Anh chị có 01 con chung tên Trần Văn T1, sinh ngày 09/02/2000 đã thành niên, nên anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] *Về tài sản chung:* Anh T khai anh và chị G không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Do Tòa án không trực tiếp làm việc với chị G để biết ý kiến của chị về tài sản chung và chị có tranh chấp về tài sản chung giữa chị và anh T hay không. Vì vậy, nếu sau khi ly hôn chị G có tranh chấp về tài

sản chung với anh T thì chị G có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh T.

[5] *Về nợ chung*: Anh Trần Văn T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[6] *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, 228, 273, 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 14 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận anh Trần Văn T và chị Trương Thị Út G là vợ chồng.

2. Về con chung: Trần Văn T1, sinh ngày 09/02/2000 đã thành niên và sống tự lập nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung: Anh T khai anh và chị G không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không giải quyết. Nếu sau khi ly hôn chị G có tranh chấp về tài sản chung với anh T thì chị G có quyền khởi kiện vụ án tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn với anh T.

4. Về nợ chung: Anh Trần Văn T khai không có nên Hội đồng xét xử không giải quyết.

5. Về án phí: Anh Trần Văn T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0006358, ngày 27-9-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tiểu Cần. Anh T đã nộp đủ án phí; bị đơn chị Trương Thị Út G không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết công khai nơi cư trú để xin Tòa án nhân dân tỉnh Trà Vinh xét xử lại theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Tiểu Cần;
- CC THADS huyện Tiểu Cần;
- UBND xã B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Mỹ Châm